

MỤC LỤC

10 GIỚI THIỆU

TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỔ ĐẠI 800 TCN-30

- 20 Người muốn thiện thì dân sẽ thiện
Khổng Tử
- 28 Việc binh là đại sự của quốc gia.
Tồn Tử
- 32 Thiếu hiền tài thì không ai cùng vua trị nước
Mặc Tử
- 34 Nếu các nhà hiền triết không lên ngôi vua, thì các thành bang sẽ không bao giờ thoát khỏi tội ác
Plato
- 40 Con người về bản chất là một sinh vật chính trị
Aristotle
- 44 Một bánh xe đơn độc thì không dịch chuyển được
Chanakya
- 48 Gian thần không có công mà được yên ổn hưởng lợi, đó là nguồn gốc của suy vong
Hàn Phi Tử
- 49 Chính quyền bị chuyển quanh như một trái bóng
Cicero

CHÍNH TRỊ THỜI TRUNG CỔ 30-1515

- 54 Nếu công lí bị tước đi, thì chính quyền khác gì một băng cướp lớn?
Augustine thành Hippo
- 56 Các người có nghĩa vụ phải chiến đấu, dù các người chán ghét nó đến đâu đi nữa
Muhammad
- 58 Dân chúng chối bỏ sự cai trị của những người đức hạnh
Al-Farabi
- 60 Không một cá nhân tự do nào có thể bị bỏ tù trừ khi pháp luật nơi đó quy định như vậy
Các nam tước của vua John
- 62 Chiến tranh chính nghĩa phải có một động cơ chính nghĩa
Thomas Aquinas



- 70 Sống một cuộc sống chính trị có nghĩa là sống tuân thủ những luật pháp đúng đắn
Giles thành Rome
- 71 Giáo hội nên tận hiến để theo gương Chúa và từ bỏ quyền lực thế tục của mình
Marsilius thành Padua
- 72 Chính quyền ngăn chặn mọi sự bất công ngoại trừ sự bất công của chính mình
Ibn Khaldun
- 74 Một nhà cai trị khôn ngoan không thể và cũng không được giữ lời hứa
Niccolò Machiavelli

LÍ TÍNH VÀ KHAI SÁNG 1515-1770

- 86 Vào buổi đầu lịch sử, tất cả đều là của chung
Francisco de Vitoria
- 88 Chủ quyền là quyền lực tuyệt đối và vĩnh cửu ở một nước cộng hòa
Jean Bodin
- 90 Luật tự nhiên là nền tảng cho luật của con người
Francisco Suárez
- 92 Chính trị là nghệ thuật liên kết con người
Johannes Althusius



94 Quyền tự do là quyền mà ta có để làm chủ chính mình
Hugo Grotius

96 Tình trạng [tự nhiên] của con người là tình trạng chiến tranh
Thomas Hobbes

104 Mục đích của luật pháp là để giữ gìn và khuếch trương tự do
John Locke

110 Khi quyền lập pháp và hành pháp đều nằm trong tay một thể lực, tự do sẽ không còn
Montesquieu

112 Những người có tinh thần làm chủ là những công dân tốt
Benjamin Franklin

CÁC TƯ TƯỞNG CÁCH MẠNG

1770-1848

118 Từ bỏ tự do là từ bỏ tính người
Jean-Jacques Rousseau

126 Hạnh phúc không thể là cơ sở cho bất kì nguyên tắc lập pháp có giá trị nói chung nào
Immanuel Kant

130 Cán chế ngự đam mê cá nhân
Edmund Burke

134 Quyền phụ thuộc vào tài sản là quyền bất bình nhất
Thomas Paine

140 Tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng
Thomas Jefferson

142 Mỗi dân tộc đều chứa đựng cốt lõi hạnh phúc của chính dân tộc đó
Johann Gottfried Herder

144 Tất cả những gì chính quyền có thể làm đều có hại
Jeremy Bentham

150 Người dân có quyền sở hữu và trang bị vũ khí
James Madison

154 Những phụ nữ đáng trọng nhất là những người thiết thời nhất
Mary Wollstonecraft

156 Người nô lệ cảm nhận hiện hữu của mình là thứ gì đó ngoại tại
Georg Hegel

160 Chiến tranh là sự tiếp nối của chính trị theo những phương thức khác
Carl von Clausewitz

161 Một chính quyền khôn ngoan và có năng lực sẽ nhận thức được nhu cầu phát triển của xã hội
José María Luis Mora

162 Một quốc gia quá lớn cuối cùng sẽ rơi vào suy thoái
Simón Bolívar

164 Việc bãi nô và Hợp chúng quốc [Hoa Kỳ] không thể cùng tồn tại
John C. Calhoun

165 Khuynh hướng đã kích "gia đình" là dấu hiệu của một xã hội hỗn loạn
Auguste Comte

SỰ TRỞ DẬY CỦA QUÂN CHÚNG

1848-1910

170 Nước Mỹ là điển hình của chế độ dân chủ
Alexis de Tocqueville

172 Đừng xưng tôi, hãy xưng chúng ta
Giuseppe Mazzini

174 Hiếm họa chính ngày nay là việc quá ít người dám chịu mang tiếng lập dị
John Stuart Mill

182 Không ai đủ tốt để cai trị người khác mà không cần hộ ung thuận
Abraham Lincoln

183 Cửa sở hữu là cửa ăn cắp
Pierre-Joseph Proudhon

184 Người có đặc quyền là người không có cả tri thức lẫn lương tâm
Mikhail Bakunin

186 Chính quyền tốt nhất là chính quyền không cai trị
Henry David Thoreau

188 Chủ nghĩa cộng sản là lời giải cho bài toán của lịch sử
Karl Marx

194 Những người thiết lập nên cộng hòa trở thành những kẻ giết chết tự do
Alexander Herzen

- 195** Chúng ta phải tìm một
ruộng cội cho đất nước
Ito Hirobumi
- 196** Ý chí hùng lực
Friedrich Nietzsche
- 200** Chỉ có các huyền thoại mới
là quan trọng
Georges Sorel
- 202** Phải hiểu giai cấp công
nhân nghĩ gì
Eduard Bernstein
- 204** Sự khinh thị của người làng
giềng hùng mạnh là hiểm
họa lớn nhất của Mỹ Latin
José Martí
- 206** Cần mao hiểm để thành
công
Peter Kropotkin
- 207** Hoặc là giết chết phụ nữ,
hoặc là trao cho họ quyền
bầu cử
Emmeline Pankhurst
- 208** Thật nực cười khi phủ nhận
sự tồn tại của quốc gia Do
Thái.
Theodor Herzl
- 210** Không gì cứu vãn được một
đất nước có giai cấp công
nhân suy đồi
Beatrice Webb
- 211** Luật bảo vệ cho phụ nữ và
trẻ em ở Hoa Kỳ không đủ
tốt
Jane Addams
- 212** Ruộng đất cho dân cày!
Tôn Trung Sơn
- 214** Mỗi cá nhân là một bánh
răng trong một cỗ máy
không ngừng chuyển động
Max Weber

SỰ ĐỤNG ĐỘ CỦA CÁC HỆ TƯ TƯỞNG 1910-1945

- 220** Phi bạo lực là điều đầu tiên
trong đức tin của tôi
Mahatma Gandhi
- 226** Chính trị bắt nguồn từ quản
chúng
Vladimir Lenin
- 234** Tổng bãi công là kết quả của
hoàn cảnh xã hội và là sự tất
yếu của lịch sử
Rosa Luxemburg
- 236** Kẻ nhượng bộ là kẻ cho cá
sâu ăn và hi vọng nó sẽ ăn
hắn sau cùng
Winston Churchill
- 238** Quan niệm về nhà nước của
chủ nghĩa phát xít bao quát
mọi mặt xã hội
Giovanni Gentile
- 240** Phải tước đi tư liệu sản xuất
của kulak
Joseph Stalin
- 242** Nếu mục đích biện minh cho
phương tiện, thì cái gì biện
minh cho mục đích?
Leon Trotsky
- 246** Chúng ta sẽ đoàn kết người
Mexico bằng cách cam kết
với cả nông dân lẫn doanh
nhân
Emiliano Zapata
- 247** Chiến tranh là một thù đoạn
trực lợi
Smedley D. Butler
- 248** Chủ quyền không được ban
phát, mà phải được giành lấy
Mustafa Kemal Atatürk



- 250** Châu Âu không còn một đạo
lí nào
José Ortega y Gasset
- 252** Chúng tôi là 400 triệu người
đòi tự do
Marcus Garvey
- 253** Nếu không tách khỏi Đế
quốc Anh, Ấn Độ không thể
thực sự được tự do
Manabendra Nath Roy
- 254** Người cai trị tối cao là người
quyết định trong tình trạng
bất thường
Carl Schmitt
- 258** Châu Phi vẫn bị thế lực bên
ngoài bóc lột
Jomo Kenyatta
- 259** Nhà nước phải được xem là
một "nhà su phạm"
Antonio Gramsci
- 260** Chính quyền sinh ra từ nông
súng
Mao Trạch Đông

CHÍNH TRỊ

HẬU CHIẾN TRANH

1945-HIỆN NAY

- 270** Mối hại lớn nhất là một chính quyền không bị giới hạn
Friedrich Hayek
- 276** Nhà nước đại nghị và chính trị duy li không thuộc cùng một hệ thống
Michael Oakeshott
- 278** Mục đích của jihad Hồi giáo là loại bỏ sự cai trị của một hệ thống phi Hồi giáo
Abul Ala Maududi
- 280** Không gì có thể lấy đi tự do của một người, trừ những người khác
Ayn Rand
- 282** Mọi sự thật được biết đến từ lâu đều có thể bị phủ nhận
Hannah Arendt
- 284** Phụ nữ là gì?
Simone de Beauvoir
- 290** Không một vật thể tự nhiên nào chỉ là tài nguyên
Arne Naess
- 294** Chúng ta không bài da trắng, chúng ta đấu tranh chống chủ nghĩa người da trắng thượng đẳng
Nelson Mandela
- 296** Chỉ có kẻ yếu đuối mới tin rằng chính trị là môi trường cho sự hợp tác
Gianfranco Miglio



- 297** Trong giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh, người bị áp bức thường trở thành người áp bức
Paulo Freire
- 298** Công lí là đức tính đầu tiên của các thiết chế xã hội
John Rawls
- 304** Chủ nghĩa thực dân là bạo lực ở trạng thái tự nhiên của nó
Frantz Fanon
- 308** Lá phiếu hoặc viên đạn
Malcolm X
- 310** Chúng ta cần "chặt đầu đức vua"
Michel Foucault
- 312** Không có người giải phóng. Con người tự giải phóng chính mình
Che Guevara
- 314** Mọi người phải đảm bảo rằng người giàu được hạnh phúc
Noam Chomsky
- 316** Không gì trên thế giới nguy hiểm hơn việc thật sự thiếu hiểu biết
Martin Luther King
- 322** Perestroika thống nhất chủ nghĩa xã hội với nền dân chủ
Mikhail Gorbachev

- 323** Các tri thức đã sai lầm khi chiến đấu chống lại Hồi giáo
Ali Shariati

- 324** Sự tàn bạo của chiến tranh khiến chúng ta phá bỏ mọi giới hạn
Michael Walzer

- 326** Không thể biện minh cho nhà nước nào lớn hơn nhà nước tối thiểu
Robert Nozick

- 328** Không luật Hồi giáo nào cho phép xâm phạm quyền phụ nữ
Shirin Ebadi

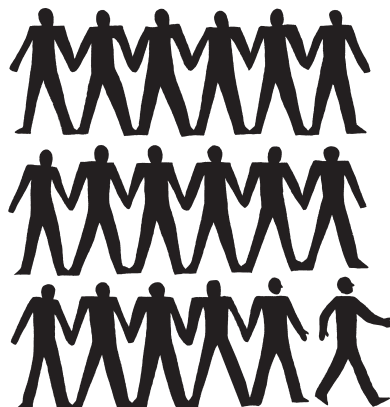
- 329** Khủng bố tự sát chủ yếu là để đáp trả sự chiếm đóng của thế lực nước ngoài
Robert Pape

330 PHỤ LỤC

340 THUẬT NGỮ

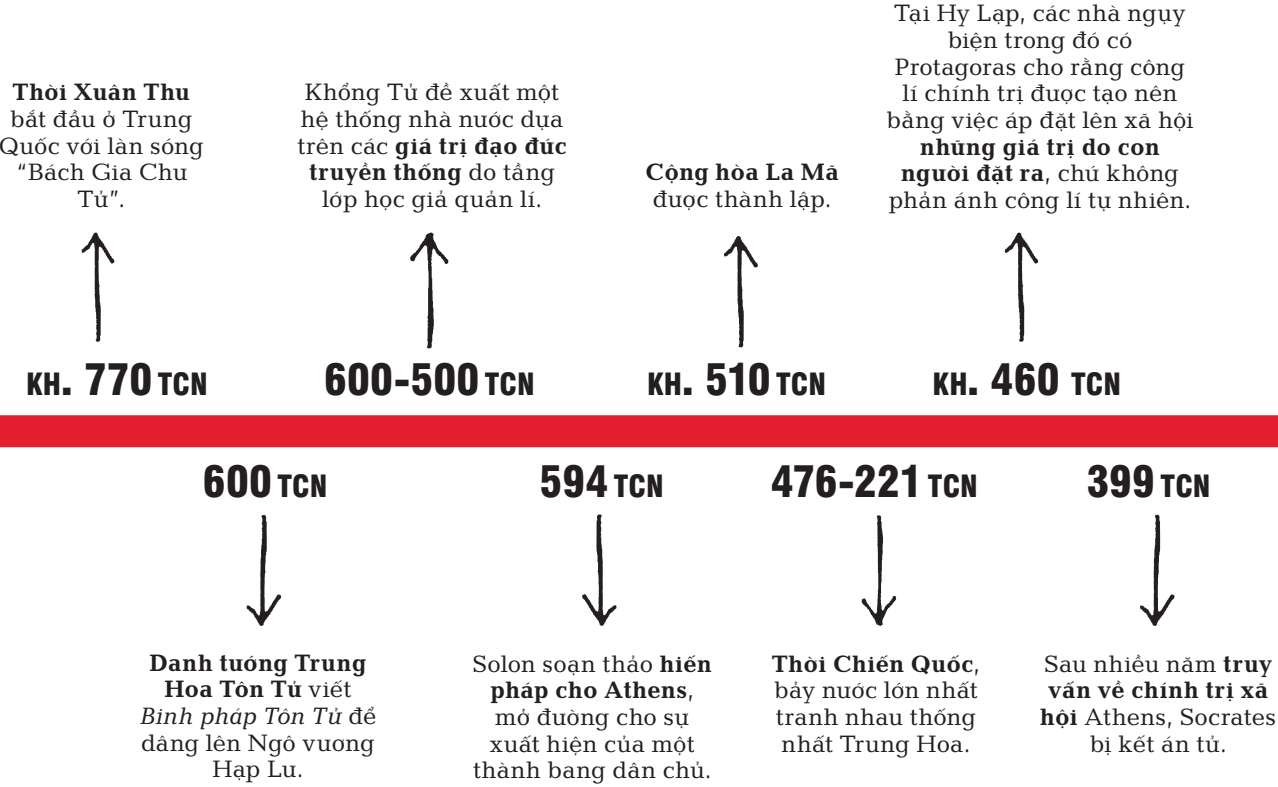
344 CHỈ MỤC

351 LỜI CẢM ƠN



TU' TU' [?]ỞNG
CHÍNH TRỊ
[?]CỔ ĐẠİ
800 TCN-30





Học thuyết chính trị bắt nguồn từ các nền văn minh Trung Quốc và Hy Lạp cổ đại. Ở cả hai nơi, các nhà tư tưởng xuất hiện, đặt câu hỏi và phân tích thế giới quanh họ theo cách mà bây giờ chúng ta gọi là triết học. Từ khoảng năm 600 TCN, một số nhà tư tưởng chuyển sự chú ý sang cách chúng ta tổ chức xã hội. Lúc đầu, ở cả Trung Quốc và Hy Lạp, những câu hỏi này được xem như một phần của triết học luân lý. Các triết gia nghiên cứu cách xã hội nên được tổ chức để không chỉ đảm bảo hạnh phúc và an ninh cho người dân, mà còn tạo điều kiện để họ có được "cuộc sống hưng thịnh".

Tư tưởng chính trị ở Trung Quốc
Từ khoảng năm 770 TCN, Trung Quốc trải qua thời Xuân Thu, một giai đoạn lịch sử thịnh vượng khi các triều đại nhà Chu cai trị các

nước chư hầu một cách tương đối ôn hòa. Học vấn được đề cao trong giai đoạn này, dẫn đến sự hình thành của Bách Gia Chu Tử. Có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong số các nhà triết học nổi lên lúc bấy giờ là Khổng Tử. Ông kết hợp triết học luân lý và triết học chính trị để đề ra một học thuyết gìn giữ giá trị đạo đức truyền thống Trung Hoa trong một nhà nước do mình quản cai trị với sự phò tá của các trung thần.

Mặc Tử và Mạnh Tử kế thừa và phát triển tư tưởng của Khổng Tử để ngăn chặn chế độ cai trị chuyên quyền mục nát. Nhưng vào thế kỉ 3 TCN, khi xung đột giữa các nước leo thang, giai đoạn Xuân Thu đi đến hồi kết. Thời Chiến Quốc và các cuộc chiến tranh giành quyền kiểm soát toàn cõi Trung Hoa bắt đầu. Chính trong giai đoạn này mà các nhà tư tưởng như Hàn Phi Tử

và phái Pháp gia đã chủ trương dùng kỉ luật làm nguyên tắc cai trị nhà nước, và vô tướng Tôn Tử đem chiến thuật quân sự áp dụng vào các vấn đề liên quan đến chính sách đối ngoại và đối nội. Những triết lí chính trị độc đoán hơn này đã giúp đế quốc Trung Hoa mới hình thành được ổn định, để rồi sau này Trung Hoa lại quay về với Nho giáo.

Nền dân chủ Hy Lạp
Gần như cùng lúc với những tiến triển này ở Trung Hoa, nền văn minh Hy Lạp ở châu Âu cũng đang nở rộ. Như Trung Quốc, Hy Lạp không phải một quốc gia thống nhất, mà là tập hợp nhiều thành bang dưới sự quản lý của nhiều hệ thống chính quyền khác nhau. Hầu hết thành bang này được cai trị bởi vua hoặc quý tộc, chỉ riêng Athens có được một nền dân chủ theo hiến pháp do chính

Nhà triết học Trung Hoa Mặc Tử chủ trương một **tầng lớp quan lại và quân sự thực tài** được bổ nhiệm hoàn toàn dựa trên phẩm hạnh và khả năng của họ.

Trong *Chính trị*, Aristotle miêu tả các hình thức cai trị thành quốc khác nhau, cho rằng *politeia* – **chính quyền lập hiến** – là thiết thực nhất.

Mạnh Tử truyền bá **tu tưởng Nho giáo** ở Trung Hoa.

Triều đại nhà Hán công nhận Nho giáo là **tu tưởng triết học chính thống** của Trung Hoa.



KH. 470-391 TCN

335-323 TCN

372-289 TCN

200 TCN

KH. 380-360 TCN

KH. 370-283 TCN

300 TCN

54-51 TCN



Trong tác phẩm *Cộng hòa*, Plato ủng hộ sự cai trị của các **"vị vua hiền triết"**, những người sở hữu đủ trí tuệ và trí thức để thấu hiểu bản chất của một cuộc sống hưng thịnh.

Lời khuyên của Chanakya giúp Chandragupta Maurya thiết lập **đế chế Không Tước** ở Ấn Độ.

Trong nỗ lực thống nhất Trung Hoa, các tu tưởng chuyên chế của Thương Ưởng và Hàn Phi Tử được tiếp nhận thành **học thuyết Pháp gia**.

Cicero viết tác phẩm *Cộng hòa* (De republica) dựa trên *Cộng hòa* của Plato, nhưng ủng hộ một **hình thức chính quyền dân chủ hơn**.

khách Solon soạn thảo năm 594 TCN. Athens trở thành trung tâm văn hóa của Hy Lạp và là một không gian trí tuệ, nơi các triết gia có thể nghiên cứu về những yếu tố làm nên nhà nước lý tưởng, mục đích của nhà nước đó cũng như cách thức quản lý nó. Tại đây, Plato đã chủ trương một mô hình nhà nước được cai trị bởi các "vị vua hiền triết", trong khi học trò ông là Aristotle lại đem các hình thức chính quyền có thể có ra so sánh. Học thuyết của hai triết gia này đã thành nền tảng cho triết học chính trị phương Tây.

Sau Aristotle, "thời hoàng kim" của triết học Hy Lạp cổ đại khép lại khi Alexander Đại đế bắt đầu một loạt chiến dịch quân sự nhằm mở rộng đế chế từ Macedon đến Bắc Phi, xuyên châu Á đến dãy Himalaya. Nhưng Alexander Đại đế đã vấp phải sự kháng cự từ quân đối lập

có tổ chức ở Ấn Độ. Tiểu lục địa Ấn Độ bao gồm nhiều nước riêng biệt, nhưng sự xuất hiện của nhà lý luận chính trị tiến bộ Chanakya đã giúp thống nhất Ấn Độ thành một đế chế dưới sự cai trị của Chandragupta Maurya, người được Chanakya bảo trợ. Chanakya tin vào tu duy chính trị thực dụng, chủ trương kỉ luật nghiêm ngặt với mục tiêu đảm bảo an ninh kinh tế và vật chất cho quốc gia thay vì hạnh phúc người dân. Chủ nghĩa hiện thực của ông đã bảo vệ đế chế Không Tước khỏi các cuộc tấn công và giúp nó thống nhất phần lớn Ấn Độ, hình thành nên một đế quốc hùng mạnh kéo dài hơn 100 năm.

Sự trỗi dậy của La Mã

Trong lúc này, một quyền lực khác bắt đầu trỗi dậy ở châu Âu. Cộng hòa La Mã được thành lập vào khoảng năm 510 TCN khi

chế độ độc tài quân chủ bị lật đổ. Một hình mẫu dân chủ đại diện tương tự mô hình của Athens hình thành. Hiến pháp được phát triển, với hai Quan chấp chính do người dân bầu ra hàng năm lãnh đạo nhà nước và Viện nguyên lão cố vấn cho Quan chấp chính. Dưới hệ thống này, Cộng hòa La Mã phát triển mạnh mẽ, mở rộng cương vực ra hầu hết lãnh thổ châu Âu lục địa. Tuy nhiên, vào thế kỉ 1 TCN, các phe phái khác nhau bắt đầu tranh giành quyền lực, và xung đột lan tràn nhanh chóng ở Cộng hòa La Mã. Vào năm 48 TCN, Julius Caesar tiếm quyền và trở thành hoàng đế không chính thức của La Mã, đặt dấu chấm hết cho nền cộng hòa. La Mã một lần nữa nằm dưới quyền cai trị của một triều đại quân chủ, và đế quốc La Mã mới thống trị phần lớn châu Âu trong 500 năm sau đó. ■

**NGƯỜI MUỐN THIÊN
THÌ DÂN SẼ
THIÊN**

KHỔNG TỬ (551-479 TCN)





BỐI CẢNH

HỆ TU TUỞNG
Nho gia

TRỌNG TÂM
Chế độ gia trưởng

TRƯỚC ĐÓ

1045 TCN Dưới triều đại nhà Chu ở Trung Quốc, thiên mệnh là nền tảng biện minh cho các quyết định chính trị.

Thế kỉ 8 TCN Giai đoạn Xuân Thu bắt đầu, theo sau là sự xuất hiện của "Bách Gia Chu Tử".

SAU ĐÓ

Thế kỉ 5 TCN Mặc Tử đề xuất một tu tưởng thay thế chế độ gia đình trị và thân hữu trị của Nho gia.

Thế kỉ 4 TCN Nhà triết học Mạnh Tử truyền bá tu tưởng Nho giáo.

Thế kỉ 3 TCN Nguyên tắc chuyên chế của phái Pháp gia thống trị hệ thống nhà nước.

Người cầm quyền cần là người quân tử, có phẩm hạnh hơn người.

Tấm gương đạo đức có thể thay đổi những ai chưa hoàn thiện.

Người quân tử sở hữu các đức tính Đức, Thành và Tín, và thể hiện các đức tính này thông qua Lễ.

Người quân tử là **tấm gương** cho thân dân của mình.

Nếu người cai trị muốn thiện thì dân sẽ thiện.

Khổng Phu Tử ("thầy Khổng"), người sau này được biết đến ở phương Tây dưới cái tên được Latin hóa Confucius, sống trong giai đoạn bước ngoặt của lịch sử chính trị Trung Hoa. Ông sống vào cuối thời Xuân Thu, một giai đoạn ổn định và thịnh vượng kéo dài gần 300 năm với sự nở rộ của nghệ thuật, văn học, và đặc biệt là triết học. Sự phát triển về học thuật lúc bấy giờ đã tạo nên làn sóng Bách Gia Chu Tử, thời kì mà các tu tưởng được tự do thảo luận. Trong quá trình đó, một tầng lớp các nhà tu tưởng và học giả nổi

lên nhu những quân su được trọng vọng trong các triều đình.

Các tu tưởng mới của tầng lớp học giả này đã làm rung chuyển cơ cấu xã hội Trung Hoa. Các học giả được bổ nhiệm nhờ tài đức thay vì mối quan hệ gia đình, và tầng lớp nhân tài mới này trở thành một thách thức cho những nhà cai trị lên ngôi nhờ chế độ tông pháp (cha truyền con nối), vốn từ trước đến nay cai trị dựa trên thiên mệnh. Điều này gây ra một loạt các cuộc xung đột giữa các nhà cai trị để giành quyền kiểm soát toàn cõi Trung Hoa. Trong giai đoạn này (về sau được

gọi là thời Chiến Quốc), một hệ thống nhà nước mạnh mẽ trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Người quân tử

Nhu phần lớn những người trẻ tuổi có học thức thuộc tầng lớp trung lưu, Khổng Tử theo đuổi con đường hoạn lộ, và từ đó ông phát triển những tu tưởng của mình về việc trị quốc. Chứng kiến tận mắt mối quan hệ giữa vua, quan và dân, cộng với nhận thức sâu sắc về sự mong manh của tình hình chính trị lúc bấy giờ, ông quyết tâm xây dựng một khuôn mẫu chính trị dựa trên hệ

Xem thêm: Tôn Tử 28–31 ■ Mặc Tử 32–33 ■ Hàn Phi Tử 48 ■ Tôn Trung Sơn 212–13 ■ Mao Trạch Đông 260–65

thống triết học đạo đức của riêng ông có khả năng giúp người cai trị quản lý nhà nước một cách công minh.

Quan điểm đạo đức của Khổng Tử bám rễ sâu vào phong tục tập quán Trung Hoa, tập trung vào các đức tính truyền thống là Trung (lòng trung thành), Nghĩa (tính trách nhiệm), và Nhân (sự yêu quý, tôn trọng người khác). Hiện thân của các đức tính này là người quân tử: những cá nhân có phẩm hạnh hơn người, là tấm gương sáng cho những người khác. Mọi thành viên trong xã hội đều được khuyến khích để noi theo tấm gương phẩm hạnh của người quân tử. Theo quan điểm của Khổng Tử, bản tính con người không hoàn hảo, nhưng có thể đổi thay nhờ những tấm gương đạo đức. Tương tự, xã hội có thể chuyển hóa nhờ tấm gương công bằng và nhân ái của nhà nước.

Khái niệm Thù – nếu ta đối xử với người công bằng và rộng lượng thì người sẽ đáp lại ta một cách công bằng và rộng lượng – là nền tảng cho triết học luân lý và là trụ cột cho tư tưởng chính trị của Khổng Tử. Xã hội muốn tốt thì người cai trị phải là hiện thân cho các đức tính tốt để thần dân noi theo; và thần dân vì cảm được lòng Trung và Nhân của người cai trị sẽ làm theo tấm gương đức hạnh ấy. Trong tác phẩm *Luận ngữ* ghi chép những lời dạy của Khổng Tử có câu: “Nếu người muốn thiện, thì dân sẽ thiện. Đức của người quân tử như gió, mà đức của dân như cỏ. Gió thổi thì cỏ tất rạp xuống.” Tuy nhiên, để người cai trị có thể lấy đức trị dân bằng cách nêu gương, một cơ cấu xã hội mới cần được thiết lập, tạo nên một tôn ti trật tự tôn trọng quy tắc truyền thống của hoàng tộc, nhưng vẫn cần nhắc đến tầng lớp quan lại mới được



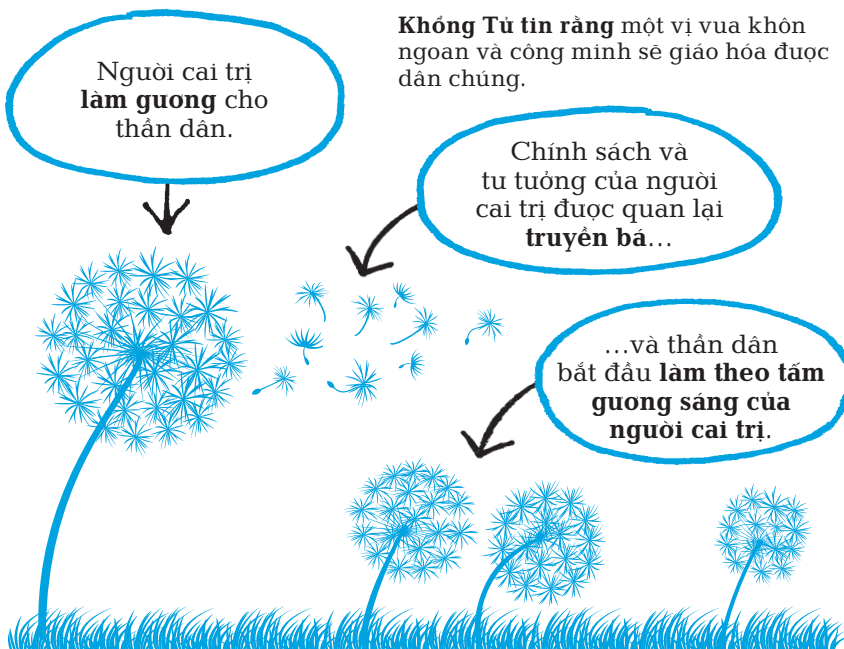
Khổng Tử

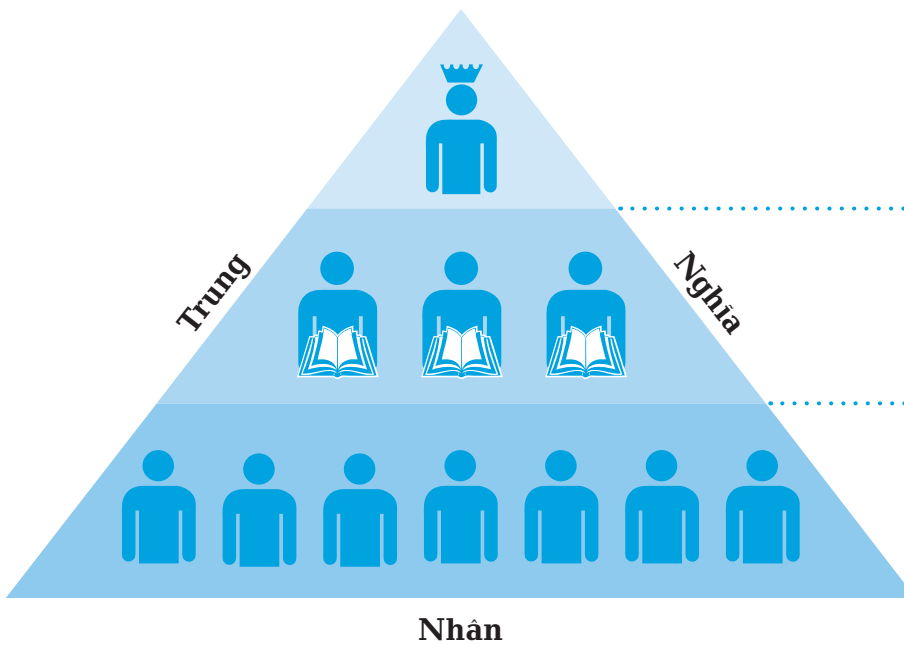
Mặc dù Khổng Tử đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử Trung Hoa, không ai biết nhiều về cuộc đời ông. Ông được cho là sinh năm 551 TCN tại thôn Xương Bình, nước Lỗ, nay là huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Ông tên thật là Khổng Khâu (sau được tôn là Khổng Phu Tử), gia thế giàu có và được trọng vọng. Tuy nhiên, sau khi cha mất lúc ông còn nhỏ, Khổng Tử phải đi làm tôi tớ để phụ giúp gia đình. Ông lập chí học tập trong thời gian rảnh rỗi để có thể ra làm quan. Ông từng làm tới chức thượng thư trong triều đình nước Lỗ, và trong thời gian làm quan đã phát triển tư tưởng trị quốc của mình. Nhưng sau khi những lời cố vấn của ông bị phớt lờ, ông từ quan. Ông dành phần đời còn lại chu du khắp Trung Hoa, thuyết giảng về hệ thống tư tưởng và đường lối trị quốc của mình. Cuối đời, ông quay trở lại Khúc Phụ và qua đời vào năm 479 TCN.

Tác phẩm chính

Luận ngữ
Trung dung
Đại học

(Tất cả đều được các học giả Trung Hoa tổng hợp vào thế kỉ 12)





Khổng Tử xem **vua** là bậc quân tử. Trách nhiệm của vua là phải làm gương về cách đối nhân xử thế để thần dân noi theo.

Quan lại và quân su giữ vai trò quan trọng, là người trung gian giữa vua và dân chúng. Họ phải trung thành và có nghĩa vụ với cả hai bên.

Theo Khổng Tử, **dân chúng** được vua giáo hóa sẽ hành xử đúng theo những điều mà vua mong đợi.

bổ nhiệm dựa vào tài đức của họ. Để thiết lập được cơ cấu xã hội và tôn ti trật tự này, đề xuất của Khổng Tử vẫn dựa rất nhiều vào các giá trị truyền thống, mô phỏng xã hội theo các mối quan hệ trong gia đình. Đối với Khổng Tử, lòng Nhân của vua như người cha bao dung, và lòng Trung của bề tôi như người con trai biết kính nhường và phục tùng cha (mối quan hệ cha con được người Trung Hoa xem là quan trọng nhất).

Khổng Tử cho rằng có năm mối quan hệ chủ yếu: quân thần (vua tôi), phụ tử (cha con), phu thê (vợ chồng), huynh đệ (anh em) và bằng hữu (bạn bè). Trong các mối quan hệ này, ông nhấn mạnh không chỉ thủ bậc của các bên dựa trên thế hệ, tuổi tác, giới tính mà còn cả nghĩa vụ của hai bên, trong đó trách nhiệm của bề trên đối với kẻ dưới trong bất kỳ mối quan hệ nào cũng quan trọng như trách nhiệm của kẻ dưới đối với bề trên. Mở rộng ra ngoài xã hội, quyền lợi và trách nhiệm qua lại giữa các mối quan hệ trên đem lại sự cố kết cho xã

hội, tạo nên một trật tự xã hội với các tầng lớp trung thành và tôn trọng lẫn nhau.

Biện minh cho chế độ tông pháp

Đứng đầu tôn ti trật tự của Khổng Tử là vua (ngôi vua được truyền từ đời cha sang đời con). Quan điểm này thể hiện sự bảo thủ trong tư tưởng của Khổng Tử. Vì gia đình là hình mẫu cho các mối quan hệ trong xã hội, sự hiếu kính mà con cái dành cho cha mẹ (đặc biệt là cha) cũng được mở rộng ra thành sự thành kính với tổ tiên, và điều này biện minh cho nguyên tắc cha truyền con nối. Trong gia đình đứng đầu là cha, vậy trong nhà nước đứng đầu tất nhiên cũng phải là bậc trưởng thượng – nhà vua.

Tuy nhiên, theo tư tưởng Khổng Tử, địa vị của vua không phải bất khả xâm phạm, và người cai trị bất công hoặc ngu muội sẽ bị chống đối và phế truất. Nhưng chính ở tầng lớp xã hội dưới vua, Khổng Tử mới thể hiện nét tân tiến nhất trong tư duy của mình. Ông ủng hộ tầng lớp học giả làm

đại thần, quân su và quan lại cho nhà vua. Đứng giữa vua và dân chúng, tầng lớp quan lại có vai trò rất quan trọng, bởi họ có nghĩa vụ và trách nhiệm với cả vua và dân. Vì họ mang trọng trách nặng nề hơn ai hết nên quan lại cần phải được tuyển chọn từ những người có năng lực và có học thức nhất, và bất kỳ ai làm quan cũng phải là người có phẩm hạnh cao nhất – phải là những bậc quân tử. Trong hệ thống của Khổng Tử, quan lại do nhà vua sắc phong; vì thế phẩm hạnh của quan lại phụ thuộc

“

Một nước thịnh trị vì ở nơi đó vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con.

Khổng Tử

”

nhiều vào đức độ của nhà vua. Khổng Tử viết: “Làm chính trị do tại người, chọn người cốt ở mình; sửa mình cốt ở đạo, sửa đạo cốt ở lòng nhân.”

Tất cả các công bộc của dân có vai trò chính là cố vấn, và các vị đại thần không chỉ cần có kinh nghiệm quản lý và thấu hiểu cơ cấu xã hội Trung Hoa, mà còn phải có một kiến thức toàn diện về lịch sử, chính trị và ngoại giao. Đây là điều cần thiết trong việc tư vấn cho vua về các vấn đề nhu liên minh và chiến tranh với các nước lân cận. Ngoài ra, tầng lớp công bộc mới này còn có bốn phạm vi quan trọng không kém là ngăn chặn việc nhà vua lạm quyền mà trở nên bạo ngược, bởi vì ngoài việc phải trung với vua, công bộc còn phải nhân từ với dân. Giống như người cai trị của mình, công bộc phải lãnh đạo bằng cách nêu gương, dùng đạo đức để giáo hóa dân chúng.

Tâm quan trọng của Lễ

Nhiều phần trong các tác phẩm của Khổng Tử được viết giống như một cẩm nang về các nghi thức xã giao, miêu tả chi tiết lối hành xử đúng đắn của người quân tử trong các tình huống khác nhau. Nhưng Khổng Tử cũng nhấn mạnh rằng lối hành xử này không nên chỉ mang tính hình thức. Các nghi lễ mà Khổng Tử đề cập tới không chỉ là phép xã giao đơn thuần, mà còn đóng một vai trò lớn lao hơn nhiều, và quan trọng là những người tham gia phải hành xử một cách chân thành thì các nghi lễ này mới trở nên có ý nghĩa. Các công bộc không chỉ hoàn thành bốn phạm vi của họ theo các chuẩn mực đạo

Các diễn viên tái hiện một nghi lễ Nho giáo ở tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, thể hiện tầm quan trọng của việc tu thân và lòng thành kính trước các du khách không rành về những nghi thức truyền thống trọng lễ nghĩa của quốc gia này.

đức, mà còn phải được người ngoài, khi nhìn vào, công nhận là hành xử có đạo đức. Vì lý do này, Khổng Tử nhấn mạnh tầm quan trọng của lễ nghi và phép tắc. Lễ cũng góp phần nhấn mạnh địa vị của các thành viên trong xã hội, và việc Khổng Tử tán thành sự phân hóa địa vị này là minh chứng rõ nét cho xu hướng bảo thủ của ông.

Các nghi lễ và phép tắc cho phép con người thể hiện sự kính trên nhường dưới. Theo Khổng Tử, các nghi thức này phải được toàn xã hội thi hành, từ các nghi lễ chính thức của nhà nước và triều đình đến các giao tiếp xã hội hằng ngày, với những người tham gia tuân thủ đúng vai trò của mình. Chỉ khi đức hạnh được thể hiện một cách chân thành và trung thực thì tư tưởng đức trị của Khổng Tử mới thành công. Vì lý do này, Khổng Tử xem sự chân thành (Thành) và trung thực (Tin) là hai đức tính quan trọng nhất, chỉ sau Trung. Phần nhiều những nghi thức và phép tắc đều dựa trên những nghi lễ tôn giáo, nhưng Khổng Tử không cho đây là điều quan trọng. Triết lý đạo đức của ông không dựa trên tôn giáo, và hệ thống chính trị ông đề xướng chỉ đơn thuần xác nhận rằng tôn giáo có một chỗ đứng nhất định trong xã hội.

“

Người quân tử dùng đạo lý vốn có ở người để cải hóa người, chỉ đến khi cải hóa được mới thôi.

Khổng Tử

”

Trên thực tế, Khổng Tử hiếm khi nhắc tới thần thánh trong tác phẩm của mình, ngoại trừ khi vọng rằng xã hội có thể được tổ chức và cai trị theo thiên mệnh, để giúp thống nhất các nước đang tranh giành quyền lực. Mặc dù Khổng Tử hoàn toàn tin tưởng vào sự cai trị của một vị vua lên ngôi bằng cơ chế tông pháp, ông thấy không cần thiết phải chứng minh đây là một quyền thiêng liêng.

Việc ngăn gạt bỏ vương quyền thiêng liêng, kết hợp với sự phân tán xã hội dựa trên tài đức thay vì quyền thừa kế là những tư tưởng cấp tiến nhất của Khổng Tử. Dù ông cho rằng một xã hội cần có tôn ti trật tự, được



cùng cố bởi những quy định nghiêm ngặt của Lễ để mọi người đều ý thức được địa vị của bản thân, nhưng điều này không có nghĩa là sẽ không có sự dịch chuyển giữa các tầng lớp trong xã hội. Những người có khả năng (và phẩm hạnh tốt) có thể thăng tiến lên những cấp bậc cao nhất trong triều đình, bất chấp gia cảnh của họ; và những người nắm quyền hạn trong tay có thể bị cách chức nếu không thể hiện được những phẩm chất cần thiết, cho dù họ có được sinh ra trong gia đình quyền quý ra sao. Nguyên tắc này thậm chí còn áp dụng cho cả nhà vua. Khổng Tử xem việc mưu sát một kẻ cai trị bạo ngược là hành động cần thiết để loại bỏ một bạo chúa chứ không phải là tội giết vua. Ông biện luận rằng chính tinh linh hoạt này mới khiến tôn ti trật tự trong xã hội được dân chúng tôn trọng hơn, và qua đó mới có sự đồng thuận chính trị – nền tảng cần thiết của một nhà nước hùng mạnh và ổn định.

Tội ác và trừng phạt

Các nguyên tắc triết học đạo đức của Khổng Tử cũng được áp dụng sang lĩnh vực pháp trị. Trước đó, hệ thống luật pháp được dựa trên các quy tắc ứng xử do tôn giáo quy định, nhưng Khổng Tử chủ trương một cách tiếp cận nhân văn hơn để thay thế những luật lệ mang tính thần quyền xưa cũ này. Tương tự như cơ cấu xã hội của ông, Khổng Tử đề xuất một hệ thống pháp luật dựa trên chữ Thù: nếu người được đối xử tôn trọng, thì người sẽ hành động một cách tôn trọng. Quy tắc vàng trong đạo đức học phương Tây ("làm những điều mà mình mong muốn được nhận từ người khác") được Khổng Tử diễn đạt lại theo lối phủ định ("điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác"), nhấn mạnh việc tránh xa hành vi xấu hơn là chỉ ra những tội lỗi cụ thể. Một lần nữa, dân chúng có thể học được điều này qua tấm gương của các nhà cai trị và của những người quân tử, như lời dạy của ông: "thấy người hiền thì

“

Trị dân mà dùng đức... ví như sao Bắc Đẩu, ở một nơi mà các sao khác hướng về.

Khổng Tử

”

mong làm sao bằng người; thấy người dữ thì tự xét xem mình có làm điều dữ không."

Thay vì áp đặt những luật lệ cứng nhắc và hình phạt nghiêm khắc, Khổng Tử cho rằng cách tốt nhất để đối phó với những hành vi phạm tội là khiến người phạm tội cảm thấy hổ thẹn về hành vi của mình. Mặc dù tội phạm có thể giảm nếu lấy pháp luật để dẫn dắt dân, dùng hình phạt để quản lý dân, nhưng dân chúng sẽ không hiểu thế nào là đúng và sai, còn nếu lấy đức để trị dân, làm gương cho dân và tôn trọng dân, thì dần dần dân chúng sẽ thấy hổ thẹn khi phạm tội và được giáo hóa để trở thành người lương thiện.

Khổng giáo bị thất sủng

Triết học đạo đức và chính trị của Khổng Tử kết hợp những tu tưởng về bản tính thiện và sự hòa đồng tự nhiên của con người với cơ cấu cứng nhắc và trọng nghi lễ của xã hội truyền thống Trung Hoa. Nhờ có thời gian làm quan triều đình, ông nhận ra được vai trò quan trọng của tầng

Hoàng đế Trung Hoa chủ trì các kì thi trong bức họa đời nhà Tống này. Việc khoa cử đã bắt đầu được tổ chức từ khi Khổng Tử còn sống, dựa trên các tu tưởng của ông.



Nho gia có đầy đủ các chức năng tôn giáo khi trở thành triết lý chính thức của Trung Quốc. Các đền thờ Khổng Tử giống như ngôi đền này ở Nam Kinh có ở khắp Trung Quốc.

lớp học giả tài giỏi mới. Tuy nhiên, khi Khổng Tử còn sống, các tu tưởng của ông đã gặp phải nhiều nghi ngại và không được đón nhận. Các thành viên hoàng tộc thuộc tầng lớp cai trị không hài lòng với việc ông ngấm bô qua quyền cai trị thiêng liêng của họ, và cảm thấy bị đe dọa bởi thủ quyền lực mà Khổng Tử đề xuất giao cho các đại thần và quân su. Quan lại có thể hài lòng với việc có thêm quyền lực để kiểm chế những vị vua có xu hướng bạo tàn, nhưng họ vẫn hoài nghi về quan điểm cho rằng có thể trị dân bằng cách làm gương cho dân, và không sẵn lòng từ bỏ quyền thực thi quyền lực của mình qua (pháp) luật và hình (phạt).

Các nhà tu tưởng chính trị và triết học hậu sinh cũng phê bình Nho gia. Mặc Tử, một nhà triết học Trung Quốc sinh ra không lâu sau khi Khổng Tử qua đời, đồng ý với các tu tưởng tân tiến hơn của Khổng Tử về việc trọng đãi hiền tài và đường lối đức trị; nhưng Mặc Tử cho rằng việc



Khổng Tử quá chú trọng vào các mối quan hệ gia đình sẽ dẫn tới chủ nghĩa gia đình trị và thân hữu trị. Cùng thời gian này, các nhà tu tưởng quân sự như Tôn Tử phớt lờ học thuyết chính trị mang tính triết học đạo đức của Khổng Tử, thay vào đó tiếp cận các vấn đề của nhà nước một cách thực tế hơn, chủ trương một chế độ chuyên chế thậm chí là hà khắc để bảo vệ đất nước. Tuy nhiên, các triết lý của Nho gia vẫn dần đi vào xã hội Trung Quốc trong hai thế kỷ sau khi Khổng Tử qua đời. Được Mạnh Tử kế thừa và phát triển (372-289 TCN), Nho giáo phổ biến rộng rãi vào thế kỷ 4 TCN.

Tu tưởng chính thống của Trung Quốc

Nho giáo có thể phù hợp để trị dân trong thời bình, nhưng theo nhiều người nó lại không đủ mạnh mẽ cho thời Chiến Quốc và cho cuộc chiến thống nhất đế chế Trung Hoa. Trong suốt thời kỳ này, Pháp gia, một hệ thống nhà nước thực dụng và chuyên chế, đã thay thế triết lý của Khổng Tử. Sau thời Chiến Quốc, khi hoàng đế Trung Hoa khẳng

định thẩm quyền đối với đế quốc mới của mình, hệ thống nhà nước theo trường phái Pháp gia vẫn tiếp tục được duy trì. Tuy nhiên, vào thế kỷ 2 TCN, hòa bình quay trở lại, và dưới thời nhà Hán, Nho giáo lại trở thành tu tưởng chính thống của Trung Quốc. Nho giáo tiếp tục chi phối cơ cấu xã hội Trung Hoa từ đó về sau, đặc biệt trong việc tuyển chọn những học giả tài năng nhất cho tầng lớp quan lại. Vào năm 605, các kỳ thi khoa cử bắt đầu được tổ chức dựa trên các kinh điển Nho giáo, kéo dài cho đến thế kỷ 20 và đến khi thành lập Trung Hoa Dân Quốc.

Nho giáo không biến mất hoàn toàn dưới chế độ cộng sản Trung Quốc, và vẫn ảnh hưởng một cách thâm lặng lên cơ cấu xã hội Trung Quốc cho đến tận Cách mạng Văn hóa. Ngày nay, các tu tưởng Nho giáo, như quan niệm về các mối quan hệ xã hội và về chữ Hiếu, vẫn còn ăn sâu vào đời sống người Trung Quốc. Khi Trung Quốc chuyển mình từ chủ nghĩa cộng sản Mao sang nền kinh tế hỗn hợp theo kiểu Trung Quốc, các tu tưởng Nho giáo lại một lần nữa được coi trọng. ■

“

Biết thì nói là biết,
không biết thì nói là không
biết, vậy mới là biết.

Khổng Tử

”

VIỆC BÌNH LÀ ĐẠI SỰ CỦA QUỐC GIA

TÔN TỬ (KH. 544-496 TCN)



BỐI CẢNH

HỀ TU TƯỚNG
Chủ nghĩa hiện thực

TRỌNG TÂM
Ngoại giao và chiến tranh

TRƯỚC ĐÓ

Thế kỉ 8 TCN “Thời đại hoàng kim” của triết học Trung Hoa bắt đầu, nổi lên làn sóng Bách Gia Chu Tử.

Thế kỉ 6 TCN Khổng Tử đề xuất khuôn mẫu cho xã hội dân sự dựa trên các giá trị đạo đức truyền thống.

SAU ĐÓ

Thế kỉ 4 TCN Nhò lời cố vấn của Chanakya, Chandragupta Maurya thiết lập đế chế Khổng Tước ở Ấn Độ.

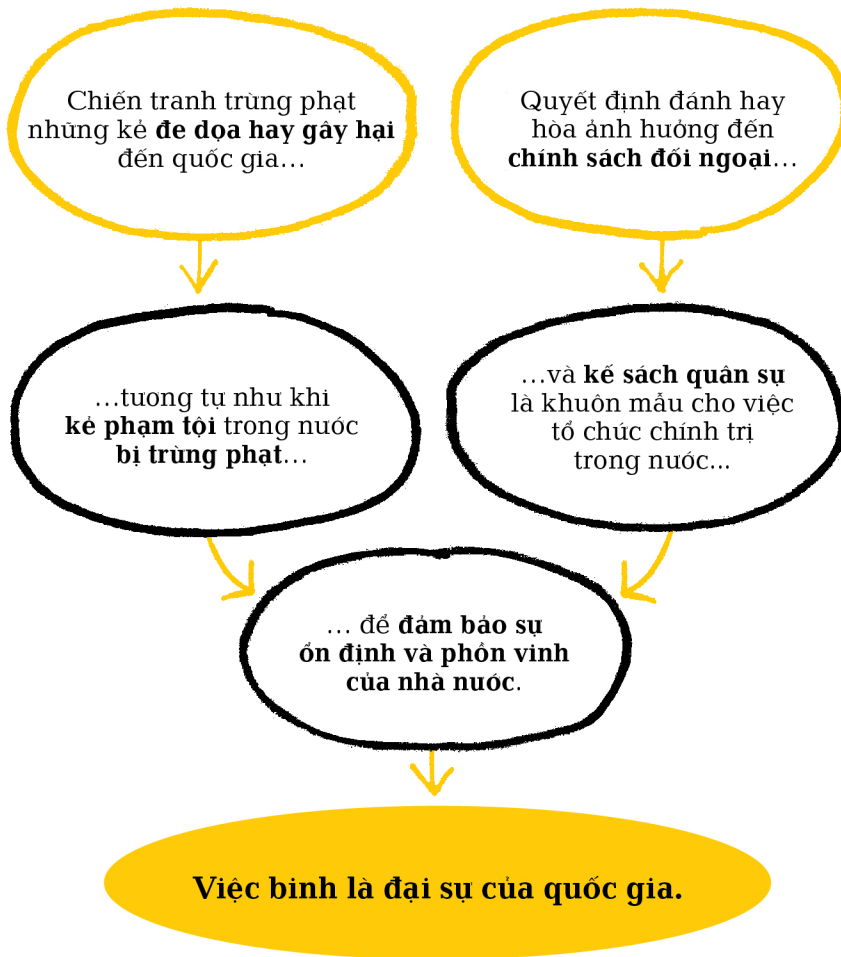
1532 *Quản vương* của Niccolò Machiavelli được xuất bản 5 năm sau khi ông qua đời.

1937 Mao Trạch Đông viết *Lược trình cứu chiến*.

Vào cuối thế kỉ 6 TCN ở Trung Hoa, thời Xuân Thu hòa bình và thịnh vượng – thời kì phát triển mạnh mẽ về triết lí, “trăm nhà tranh tiếng” – đang đi đến hồi kết. Phần lớn các tu tưởng thời bấy giờ tập trung vào triết học luân lí hay đạo đức, và triết học chính trị phát triển từ những tu tưởng này tập trung vào cách tổ chức bộ máy nhà nước theo đúng luân lí. Đỉnh cao của trường phái triết học chính trị này nằm ở tu tưởng của Khổng Tử, vốn kết hợp những đức tính truyền thống để tạo thành hệ thống phân cấp do vua đứng đầu và do một bộ máy quan lại gồm các học giả quản lí.

Tuy nhiên, vào cuối giai đoạn Xuân Thu, sự ổn định chính trị của các nước Trung Hoa trở nên

Xem thêm: Chanakya 44–47 ▪ Hàn Phi Tử 48 ▪ Niccolò Machiavelli 74–81 ▪ Mao Trạch Đông 260–65 ▪ Che Guevara 312–13



Binh đoàn đất nung trong lăng mộ hoàng đế Tần Thủy Hoàng thể hiện vai trò quan trọng của quân đội đối với ông. Thời đại của Tần Thủy Hoàng cách thời đại của Tôn Tử gần hai thế kỉ, nhưng chắc hẳn vị hoàng đế này đã nghiên cứu kĩ lưỡng tác phẩm của Tôn Tử.

Từ đề cập đến các vấn đề thực tiễn trong việc bảo vệ và duy trì sự thịnh vượng của quốc gia. Nếu các nhà tư tưởng đi trước chỉ tập trung vào cơ cấu xã hội dân sự, thì tác phẩm này lại tập trung vào chính trị giữa các quốc gia, chỉ thảo luận các vấn đề hành chính công khi các vấn đề này có liên quan đến việc bày chiến thuật và tác chiến, hoặc vấn đề kinh tế liên quan đến việc duy trì quân sự và tình báo.

Miêu tả chi tiết về binh pháp của Tôn Tử đã xây dựng một khuôn mẫu cho tất cả các tổ chức chính trị nói chung. Ông đề ra “ngũ sự” (năm phương diện của chiến tranh) cần cân nhắc khi bày mưu tính kế cho một chiến dịch quân sự. Ngoài các vấn đề thực tiễn, chẳng hạn như thời tiết (Thiên) và địa hình (Địa), “ngũ sự” còn bao gồm ảnh hưởng đạo đức của các nhà lãnh đạo cũng như tài thao lược của tướng soái (Tuông), tổ chức và kỉ luật của

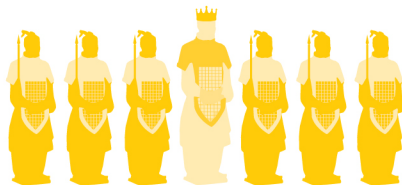
mong manh. Cùng với sự phát triển dân số, căng thẳng giữa các nước gia tăng. Người cai trị không chỉ phải quản lí các vấn đề trong nước, mà còn phải tự vệ chống lại các cuộc tấn công từ các nước lân bang.

Chiến lược quân sự

Trong tình hình này, các mưu sĩ quân sự đóng một vai trò quan trọng không kém các vị quan lại, và chiến lược quân sự bắt đầu ảnh hưởng đến các tư tưởng chính trị. Tác phẩm có ảnh hưởng nhất về đề tài này là *Binh*

pháp Tôn Tử, được cho là sáng tác của Tôn Tử, một vị tướng trong quân đội của Ngô vương. Tác phẩm mở đầu như sau: “Việc binh là đại sự của quốc gia, quan hệ tới việc sống chết của nhân dân, sự mất còn của nhà nước, không thể không suy xét thấu đáo.” Đoạn này đánh dấu sự khác biệt của *Binh pháp Tôn Tử* với nền triết học chính trị lúc bấy giờ, và tác phẩm này của Tôn Tử có lẽ là tuyên bố công khai đầu tiên về vai trò chiến lược của chiến tranh và tình báo quân sự đối với nhà nước. *Binh pháp Tôn*

Ngũ sự



Đạo là đạo nghĩa, làm cho vua và dân đồng tâm đồng trí.



Tướng soái phải nhận thức được **Thiên**, âm và dương, và bốn mùa trong năm.



Nhà chiến lược phải cân nhắc **Địa**, tức địa thế cao hay thấp, xa hay gần, hiểm trở hay bằng phẳng.



Tướng phải trí, tin, nhân, dũng, nghiêm.



Pháp thể hiện qua tổ chức quân đội và phân chia tướng tá.

binh lính (Pháp). Ẩn sâu trong “ngũ sự” là một cơ cấu phân cấp với vua đứng đầu ra lệnh cho tướng soái, và tướng soái vừa cố vấn cho vua, vừa tổ chức và lãnh đạo quân đội.

Đối với Tôn Tử, vai trò của nhà vua là lãnh đạo về mặt đạo đức. Dân chúng phải có niềm tin vào đại nghĩa của vua thì mới ủng hộ vua, và Tôn Tử có cùng tu tưởng với Khổng Tử rằng một người cai trị nên lãnh đạo dân bằng cách nêu gương. Giống như các quan lại dân sự, các tướng soái cố vấn cho vua và thực thi những mệnh lệnh của vua.

Không ngạc nhiên khi Tôn Tử đặt nặng vấn đề phẩm chất của tướng soái; đối với Tôn Tử, tướng soái là “tướng thành của quốc gia”. Quá trình huấn luyện và kinh nghiệm của tướng soái không chỉ ảnh hưởng đến các lời khuyên mà tướng soái dành cho vua, qua đó gián tiếp hoạch định chính sách, mà còn có vai trò quan trọng sống còn trong việc tổ chức quân đội. Là người đứng đầu quân đội chỉ dưới vua, tướng soái kiểm soát vấn đề hậu cần, quân nhu, và đặc biệt tướng soái cũng là người đào luyện binh lính. *Binh pháp Tôn Tử* khuyên rằng để rèn binh, tướng soái nên thi hành kỉ luật chặt chẽ với những hình phạt khắc nghiệt cho kẻ bất tuân, nhưng nên nhớ rằng chính sách này cần phải đi đôi với một cơ chế thưởng phạt phân minh.

Biết khi nào nên đánh

Tuy hệ thống cấp bậc quân sự được miêu tả trong *Binh pháp Tôn Tử* tương tự nhu cơ cấu xã hội Trung Hoa lúc bấy giờ, tác phẩm này vẫn có nhiều sáng kiến trong các khuyến nghị về đường lối ngoại giao. Giống như nhiều bậc tiền bối và các tướng soái đời sau, Tôn Tử tin rằng mục đích của quân sự là để bảo vệ quốc gia và đảm bảo phúc lợi, và chiến tranh luôn là biện pháp cuối

cùng. Một vị tướng tốt nên biết khi nào nên đánh và khi nào nên hòa, và phải khắc cốt ghi tâm rằng có thể làm kẻ địch khuất phục mà không cần đánh. Một vị tướng đầu tiên phải cố đánh địch bằng mưu lược; nếu thất bại nên đánh bằng ngoại giao; và chỉ đến bước đường cùng mới đánh bằng vũ lực.

Để tránh phải tham chiến, Tôn Tử chủ trương chính sách duy trì hệ thống quốc phòng vững mạnh và thiết lập liên minh với các nước lân bang. Vì chiến tranh có hại cho cả hai bên, nên giải pháp hòa bình vẫn là thượng sách. Các chiến dịch quân sự kéo dài, đặc biệt là các chiến dịch tấn công thành trì của địch làm kiệt quệ tài nguyên quốc gia, khiến phí tổn của chiến tranh thường gấp nhiều lần chiến lợi phẩm có thể giành được. Những hi sinh và mất mát mà binh lính và dân thường phải trải qua trong chiến tranh bào mòn niềm tin của dân vào đại nghĩa của vua.

Tình báo quân đội

Tôn Tử lập luận rằng chìa khóa để ổn định các mối quan hệ giữa các quốc gia nằm ở tình báo, vốn là trách nhiệm của quân đội. Gián điệp cung cấp thông tin có tầm quan trọng sống còn về ý định và tiềm lực của địch, cho phép các tướng soái, người chỉ huy các gián điệp, cố vấn cho



Biết người biết ta,
trăm trận bất bại.
Tôn Tử





“

Uy lệnh có đúng mục
thì dân sẽ theo.

Tôn Tử

”

Van Li Trương Thành ở Trung Quốc bắt đầu được xây dựng vào thế kỉ 7 TCN nhằm mục đích bảo vệ các lãnh thổ mới chiếm được của đế quốc Trung Hoa. Đối với Tôn Tử, các biện pháp phòng thủ như thế này cũng quan trọng không kém lực lượng tấn công.

người cai trị về khả năng chiến thắng trong trường hợp có xung đột. Tương tự, Tôn Tử cũng giải thích rằng yếu tố quan trọng tiếp theo trong chiến tranh thông tin chính là mưu mẹo. Ví dụ, việc đưa địch thông tin sai lạc về tình hình phòng thủ của phe ta có thể ngăn chặn được chiến tranh. Tôn Tử cũng khuyến cáo về hành động tiêu diệt kẻ thù trong trận chiến, một hành động ông xem là

dại dột vì nó làm giảm đi các chiến lợi phẩm – bao gồm thiện chí của lính bại trận và của cải của vùng lãnh thổ bị chiếm – mà ta có thể giành được.

Đằng sau những lời dạy rất thực tế trong *Binh pháp Tôn Tử* là cả một nền tảng văn hóa truyền thống dựa trên các giá trị đạo đức như công li và tiết độ. Tác phẩm này cho rằng chiến thuật quân sự, chính trị quốc tế và chiến tranh tồn tại để duy trì các giá trị đạo đức trên, vì thế phải được tiến hành dựa trên các giá trị này. Nhà nước thể hiện năng lực quân sự của mình để trừng phạt những kẻ thù từ bên ngoài gây hại hoặc đe dọa đất nước, giống như khi nhà nước sử dụng pháp luật để trừng

phạt kẻ phạm tội trong nước. Nếu sử dụng năng lực quân sự của mình theo đúng luân lí, nhà nước vừa có thể làm dân chúng hạnh phúc hơn, vừa giành được của cải và đất đai. *Binh pháp Tôn Tử* là một tác phẩm có ảnh hưởng quan trọng đến vua chúa, các tướng soái và quan lại của nhiều nước khác nhau trong cuộc chiến thống nhất để chế Trung Hoa. Tác phẩm này về sau cũng có ảnh hưởng quan trọng đến chiến thuật của các nhà cách mạng, bao gồm cả Mao Trạch Đông. Ngày nay tác phẩm này là giáo trình bắt buộc của nhiều học viện quân sự, và cũng thường nằm trong giáo trình của các lớp chính trị, kinh doanh và kinh tế. ■

Tôn Tử



Được cho là tác giả của luận thuyết huyền thoại *Binh pháp Tôn Tử*, Tôn Vũ (sau này được tôn là Tôn Tử, “thầy Tôn”) có lẽ sinh ra ở nước Tề hoặc nước Ngô vào khoảng năm 544 TCN. Thời thơ ấu của ông ít người biết rõ, nhưng ông nổi tiếng là vị tướng phục vụ nước Ngô trong nhiều trận chiến thành công chống lại nước Sở láng giềng.

Ông trở thành một quân sư không thể thiếu của Ngô vương Hạp Lu về các vấn đề chiến lược quân sự. Tôn Tử soạn thảo tác phẩm nổi tiếng của mình để làm kim chỉ nam về quân sự cho Ngô

vuong. *Binh pháp Tôn Tử* là một cuốn sách súc tích, chia làm 13 thiên, và sau khi ông qua đời vào khoảng năm 496 TCN, nhiều người đã tìm đọc nó, từ vua chúa của các nước đang tranh giành quyền kiểm soát Trung Hoa đến các nhà tu tướng quân sự ở Nhật Bản và Triều Tiên. Tác phẩm này lần đầu tiên được dịch sang tiếng Pháp vào năm 1782, và có thể đã ảnh hưởng đến cả Napoleon.

Tác phẩm chính

Thế kỉ 6 TCN *Binh pháp Tôn Tử*